

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch và Quy định quản lý theo đồ án  
Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030  
(Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 08/7/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Công văn số 484/SXD-QH&KT ngày 08/5/2018 của Sở Xây dựng về việc Hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc sáp nhập ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long, về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch nông thôn mới xã An Trường A, huyện Càng Long tỉnh Trà Vinh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 4171/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long về việc phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030 (Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã An Trường A);

Xét đề nghị Tờ trình số 190a/TTr-KT&HT ngày 10/12/2019 của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, kèm theo Báo cáo số 55/TĐ-KT&HT ngày 10/12/2019 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Báo cáo kết quả thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030 (Điều chỉnh đồ án quy hoạch nông thôn mới xã An Trường A); Văn bản góp ý kiến của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh đối với đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030 (Điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới), với các nội dung chính như sau:

### **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

Khu vực quy hoạch chung xây dựng xã là toàn bộ địa giới hành chính xã An Trường A, với diện tích tự nhiên **1.884,39 ha**; gồm 7 ấp (ấp Lo Co A, ấp Lo Co B, ấp 9B, ấp 9C, ấp 9A, ấp 9, ấp Trung Thiên và khu trung tâm xã nằm trong ấp 9B). Tứ cận được xác định như sau:

- Phía Đông: giáp xã An Trường.
- Phía Tây: giáp huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
- Phía Nam: giáp xã Tân Bình.
- Phía Bắc: giáp xã Mỹ Cẩm.

### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã**

#### **2.1. Mục tiêu:**

- Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A bảo đảm việc bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị truyền thống, mang đặc trưng của xã thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long. Thực hiện đồng thời mục tiêu: kinh tế - xã hội - môi trường, cụ thể hóa định hướng phát triển kinh tế xã hội của xã trong lĩnh vực xây dựng nông thôn mới.

- Cập nhật và điều chỉnh các khu chức năng sử dụng đất, nhằm phù hợp với điều kiện thực tế và sự phát triển chung của xã, ổn định đời sống dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

- Khai thác các lợi thế của xã, tổ chức hiệu quả quỹ đất, nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sản xuất và sinh hoạt của cư dân trong xã.

- Phục vụ công tác quản lý xây dựng, đầu tư xây dựng và định hướng phát triển theo quy hoạch.

#### **2.2. Tính chất, chức năng chủ đạo:**

- Xã An Trường A định hướng sẽ trở thành xã nông thôn mới nâng cao vào giai đoạn năm 2025 - 2030.

- Là xã nông thôn mới thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Kinh tế chủ đạo của xã là nông nghiệp kết hợp thương mại - dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp. Với mục tiêu chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng tập trung quy mô lớn, tăng tỷ trọng các ngành dịch vụ, ứng dụng trình độ khoa học kỹ thuật chuyên sâu nhằm tăng năng suất và sản lượng.

- Xã An Trường A có chức năng chủ yếu: Chức năng sản xuất nông nghiệp hiện đại; chức năng giữ gìn văn hóa truyền thống và chức năng sinh thái.

### 3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

#### 3.1. Dân số, lao động:

- Dự báo về quy mô dân số:

+ Giai đoạn ngắn hạn (đến năm 2025) làm tròn là: 8.122 người

+ Giai đoạn dài hạn (đến năm 2030) làm tròn là: 8.528 người

- Quy mô lao động (ước tính) tăng tương ứng với dân số:

+ Lao động năm 2025: 4.873 người

+ Lao động năm 2030: 5.117 người.

#### 3.2. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của đồ án

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2025	2030
<b>I</b>	<b>Dân số toàn xã</b>	<b>người</b>	<b>8.122</b>	<b>8.528</b>
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	1,00	0,98
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu đất xây dựng điểm dân cư nông thôn</b>	<b>m<sup>2</sup>/người</b>	<b>442,23</b>	<b>434,71</b>
1	Đất xây dựng khu ở	m <sup>2</sup> /người	442,06	434,54
	Đất ở	m <sup>2</sup> /người	383,59	374,62
	Đất công trình công cộng, dịch vụ khu ở	m <sup>2</sup> /người	6,20	5,90
	Đất cây xanh - TĐTT	m <sup>2</sup> /người	2,37	2,26
	Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật	m <sup>2</sup> /người	54,34	51,76
2	Đất xây dựng các công trình sản xuất, phục vụ sản xuất	m <sup>2</sup> /người	0,17	0,16
<b>III</b>	<b>Hạ tầng kỹ thuật</b>			
1	Tỷ lệ đất giao thông	% đất XD khu ở	18	18
2	Cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày	≥ 80	100
3	Thoát nước	%Qsh	≥ 80	≥ 80
4	VSMT (rác thải)	kg/người/ngày	0,8	1
5	Cấp điện sinh hoạt	kWh/người/năm	≥ 200	400

### 4. Phân khu chức năng

Không gian tổng thể toàn xã gồm các khu chức năng chính sau:

- Khu vực các vùng sản xuất nông nghiệp.
- Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ.
- Khu vực dân cư và nhà ở.
- Hệ thống các công trình công cộng xã.
- Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật.

#### **4.1. Khu vực sản xuất nông nghiệp:**

Theo các điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, đất sản xuất nông nghiệp nói chung của xã đã ổn định. Theo nhu cầu phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, định hướng đến năm 2020 vùng sản xuất nông nghiệp xã kế thừa theo hiện trạng và quy hoạch thành 02 vùng chính.

- Vùng I: Chuyên trồng lúa, phân bố đều ở 7 ấp.
- Vùng II: Trồng cây ăn trái; riêng cây lâu năm phân bố ở các ấp: ấp Lo Co A, ấp Lo Co B, ấp 9B, ấp 9, ấp Trung Thiên.
- Tiếp tục duy trì và phát triển hình thức nuôi trồng thủy sản theo hướng kết hợp trong ruộng vườn, chân ruộng lúa để tận dụng tối đa mặt nước.

#### **4.2. Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ:**

- Định hướng quy hoạch cho khu vực này theo hướng bố trí gần với dân cư.
- Xây dựng các làng nghề kết hợp với dân cư.

#### **4.3. Khu vực dân cư và nhà ở:**

- Hệ thống dân cư chủ yếu gồm hai dạng:
  - + Phân tán: theo tập quán, có tính chất tự cung, tự cấp, dân cư hình thành phân tán chủ yếu theo thổ canh hoặc bám hai bên các trục đường giao thông. Lao động của dân cư phân tán chủ yếu là lao động nông nghiệp.
  - + Tập trung: theo điều kiện thuận lợi về hạ tầng (xã hội, kỹ thuật), có một bộ phận sẽ hình thành tập trung thành điểm. Dự báo dân cư cho các điểm dân cư có tính chất tập trung được xác định theo thành phần lao động, chủ yếu là lao động phi nông nghiệp.

- Dựa các điều kiện thuận lợi của từng khu vực sẽ định hướng quy hoạch cải tạo và xây dựng mở rộng các điểm dân cư cho nhiều ấp. Các điểm dân cư tổ chức theo các vị trí gần đầu mỗi giao thông để thuận lợi về giao lưu với dân cư phân tán, thuận tiện bố trí hệ thống kỹ thuật. Dân cư tại các điểm này phần lớn là lao động phi nông nghiệp. Trong điểm dân cư có những hoạt động kinh tế thương mại - dịch vụ, phục vụ sản xuất, tạo đầu mối phục vụ và phúc lợi cho dân cư ấp.

- Các tuyến dân cư tổ chức theo các ấp, có quy mô từ 700-1.700 người. Không bố trí dân cư vào khu vực ven đê bao sông, rạch. Khuôn viên ở có kết hợp sản xuất có diện tích 500-1500m<sup>2</sup>/hộ. Khuôn viên ở có kết hợp dịch vụ thương mại có diện tích 250-500m<sup>2</sup>/hộ.

## **5. Định hướng tổ chức không gian toàn xã**

### **5.1. Vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ cấp xã**

#### **a. Cấp xã: Trung tâm xã**

- Vị trí: tại ấp 9B
- Các công trình: Công an xã, ban chỉ huy quân sự xã, trường học, nhà văn hóa xã, chợ, trạm y tế, bưu điện, cơ sở dịch vụ.
- Các quy định về xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 60%
  - + Tầng cao tối đa: 03 tầng.
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái, hình thức mái bằng hoặc mái dốc.
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ.
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh.

#### **a.1. Nhà văn hóa xã, Công an xã, Xã đội**

- Vị trí: Tại trung tâm xã (ấp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 03 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### **a.2. Khu vực dịch vụ thương mại**

- Vị trí: Tại trung tâm xã (ấp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 03 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### **a.3. Trạm y tế xã**

- Vị trí: Tại trung tâm xã (ấp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 02 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:

- + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
- + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
- + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### **a.4. Trường Mẫu giáo**

- Vị trí: Tại trung tâm xã (ấp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 02 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### **a.5. Trường Tiểu học**

- Vị trí: Tại trung tâm xã (ấp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 02 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### **a.6. Trường Trung học cơ sở**

- Vị trí: Tại trung tâm xã (ấp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 03 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### **b. Cấp áp: tại trung tâm các điểm dân cư**

- Vị trí: tại 06 ấp
- Các công trình: Trụ sở ấp, nhà văn hóa ấp, sân chơi kết hợp cây xanh - TDTT, trường mẫu giáo.
- Các yêu cầu xây dựng đối với các nhà văn hóa ấp:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 01 tầng.
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:

- + Hình thức kiến trúc: công trình có mái (mái dốc).
- + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ.
- + Màu sắc công trình phù hợp với cảnh quan xung quanh.

## 5.2. Chỉ tiêu, hình thức kiến trúc cho từng loại đất ở khu dân cư mới và cải tạo

### a. Các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu:

#### - Khu vực cải tạo:

- + Diện tích tối thiểu đối với lô đất xây dựng :100 m<sup>2</sup>
- + Tầng cao tối đa: 02 tầng
- + Mật độ xây dựng tối đa trong lô đất ở: 80%
- + Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi tính từ chỉ giới đường đỏ 3m

#### - Khu vực xây mới:

- + Diện tích lô đất xây dựng: Từ 140m<sup>2</sup> đến 500m<sup>2</sup>/lô
- + Tầng cao tối đa: 03 tầng
- + Mật độ xây dựng trong lô đất ở: 50-70%
- + Cao độ nền: Tuỳ theo địa hình nhưng tối đa cao +0,45m so với cốt hè phố (hoặc lề đường) và được quy định cụ thể trong đồ án quy hoạch được duyệt.
- + Chiều cao tầng: Tầng 1 là +3,9m ÷ +4,2m; tầng 2 và tầng 3 là +3,4m
- + Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi tính từ chỉ giới đường đỏ là 3m.

### b. Đối với kiến trúc nhà ở:

#### - Hình thức kiến trúc:

- + Nhà vườn: khai thác đường nét kiến trúc dân tộc, hài hòa với cảnh quan.
- + Nhà song lập, nhà liên kế: hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp nét dân tộc, tạo sự thống nhất trên từng tuyến đường, tránh đường nét rườm rà, phản cảm.

#### - Số tầng và chiều cao:

- + Nhà vườn có tầng cao tối đa: 01 tầng
- + Nhà song lập có tầng cao tối đa: 02 tầng
- + Nhà liên kế có tầng cao tối đa: 03 tầng
- + Cao độ vỉa hè được quy định là cao độ ±0.000 tại vị trí có công trình để tính toán các cao độ chuẩn. Cao độ chuẩn ở vị trí chỉ giới xây dựng là tổng chiều cao các tầng ở vị trí lộ giới hoặc vị trí có yêu cầu khoảng lùi so với lộ giới (đã tính cả chiều cao lan can hoặc sê-nô trên sàn mái). Cốt sàn tầng 1 tối thiểu +0,3m.
- + Chiều cao tầng 1 (trệt) tối thiểu là +3,6m; các tầng còn lại +3,4m.

#### - Màu sắc, vật liệu:

- + Mặt ngoài nhà (mặt tiền, mặt bên) không sử dụng các màu nóng chói (như đỏ, cam, vàng, đen), trên toàn bộ mặt tiền nhà để gây khó chịu cho người nhìn. Nên dùng các màu trung tính nhẹ nhàng (như kem nhạt, xám trắng, vàng nhạt, xanh lơ...)

+ Mái nhà lợp ngói truyền thống hoặc tôn giả ngói, để tăng mỹ quan cho công trình, cũng như thuận tiện trong việc chống thấm, thoát nước mưa và dễ bảo trì công trình.

+ Không sử dụng gạch lát màu tối (như đen, nâu đậm.), có độ bóng cao để ốp trên toàn bộ mặt tiền nhà.

+ Không sử dụng vật liệu có độ phản quang >70% trước mặt tiền nhà.

+ Trên từng trục đường nên quy định một tông màu chủ đạo, tạo sự đồng nhất về kiến trúc và màu sắc, tránh tình trạng quá nhiều màu sắc trên dãy nhà gây mất mỹ quan.

- *Mái nhà:*

+ Đối với nhà vườn, nhà song lập nên sử dụng mái dốc, lợp ngói truyền thống hoặc tôn giả ngói để tăng mỹ quan cho công trình cũng như thuận tiện trong việc chống thấm, thoát nước mưa, dễ bảo trì sửa chữa. Nhà liên kế sử dụng mái bằng hoặc mái dốc, độ dốc đảm bảo thoát nước. Mái đón, mái hiên phải ở độ cao cách mặt vỉa hè 3,5m trở lên.

+ Độ vươn ra tối đa của ô văng, mái đua, ban công  $\leq 1,2m$ .

- *Hàng rào:* Hàng rào cổng phải phù hợp với truyền thống, cảnh quan chung của xã, không gắn các hình tượng, hình vẽ, trang trí kỳ dị làm mất mỹ quan chung của khu vực.

## **6. Quy hoạch mạng lưới công trình công cộng; công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối**

### **6.1. Giao thông**

*a. Giao thông đối ngoại:*

- Tập trung phát triển các mạng lưới giao thông của xã, nâng cấp đường trục chính vào trung tâm xã, các tuyến đường nông thôn, xóm và các tuyến đường trục chính nội đồng, gồm:

- Tuyến đường liên các khu vực trong xã: xây dựng theo loại đường nông thôn cấp A, giai đoạn đầu có thể phân kỳ xây dựng tương đương cấp B. Quy hoạch đạt cấp VI, mặt đường nhựa rộng 3,5m, nền rộng 6,5m, lộ giới 12,5m.

- Tuyến đường nội bộ tại khu vực trung tâm xã: Quy hoạch đạt cấp VI

+ Cấu trúc mạng lưới theo dạng đường đô thị.

+ Lộ giới 12,5m, mặt đường rộng 6,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

+ Hành lang dự phòng cho việc mở rộng ở giai đoạn sau.

+ Mật độ mạng lưới đường đạt 3 - 4 km/km<sup>2</sup>.

- Đường Hương lộ 39: lộ giới 27,5m

+ Mặt đường bê tông nhựa.

+ Nền hạ đá dăm, cấp phối sỏi đỏ.

+ Vỉa hè đoạn qua khu dân cư lát gạch còn lại trồng cỏ.

- Đường Hương lộ 31: lộ giới 27,5m

+ Mặt đường bê tông nhựa.



- + Nền hạ đá dăm, cấp phối sỏi đỏ.
- + Vĩa hè đoạn qua khu dân cư lát gạch còn lại trồng cỏ.
- Đường liên các khu vực trong xã: lộ giới 12,5m
- + Mặt đường đá dăm thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng.
- + Nền hạ đá dăm, cấp phối sỏi đỏ.

*b. Giao thông nông thôn:*

- Tuyến đường liên các khu vực trong xã: xây dựng theo loại đường nông thôn cấp A, giai đoạn đầu có thể phân kỳ xây dựng tương đương cấp B. Quy hoạch đạt cấp VI, mặt đường nhựa rộng 3,5m, nền rộng 6,5m, lộ giới 12,5m.
- Tuyến đường nội bộ tại khu vực trung tâm xã: Quy hoạch đạt cấp VI.
- + Cấu trúc mạng lưới theo dạng đường đô thị.
- + Lộ giới 12,5m, mặt đường rộng 6,5m, vĩa hè mỗi bên rộng 3m.
- + Hành lang dự phòng cho việc mở rộng ở giai đoạn sau.
- + Mật độ mạng lưới đường đạt 3 - 4 km/km<sup>2</sup>.
- Đường ấp, xóm, đường trục chính nội đồng kết hợp chặt chẽ với các công trình thủy lợi: xây dựng theo loại đường nông thôn cấp C, giai đoạn đầu có thể phân kỳ xây dựng tương đương cấp D. Quy hoạch đạt cấp C, mặt đường đal rộng 3m, nền rộng 4m, lộ giới 8m.

**Bảng thống kê quy hoạch giao thông**

Stt	Hạng mục	Mặt cắt ngang đường (m)			Chiều dài (m)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )
		Mặt đường	Lề đường	Lộ giới		Mặt đường	Lề đường	Tổng
1	Hương lộ 39	5,5	2	27,5	4.798,91	26.394.027	9.597.828	35.991.855
2	Hương lộ 31	5,5	2	27,5	6.038,64	33.212.542	12.077.288	45.289.830
3	Đường trục ấp, liên ấp	3,5	3,5	12,5	17.703,09	61.960.815	61.960.815	123.921.630
4	Đường ấp, xóm; đường trục chính nội đồng	3	1	8	14.095,23	42.285.693	14.095.231	56.380.924
<b>Tổng cộng đường</b>					<b>42.635,88</b>	<b>163.853.077</b>	<b>97.731.162</b>	<b>261.584.239</b>

**6.2. Cấp điện**

- Nguồn điện đang sử dụng trên địa bàn xã là hệ thống điện quốc gia thuộc khu vực điện Càng Long.

- Quy hoạch mạng lưới cấp điện:

+ Các tuyến trung thế xây dựng mới là đường dây nổi, dùng cáp nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông li tâm cao 12m đến 14m.

+ Các trạm hạ thế là loại trạm treo, trạm trong nhà hoặc trạm compact, vị trí và dung lượng của trạm có thể điều chỉnh theo phụ tải điện sử dụng thực tế. Trạm hạ thế phải đặt vị trí thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt.

+ Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4kV đưa điện đến các hộ tiêu thụ, các tuyến điện này (bao gồm mạch cung cấp và đèn đường) là đường dây nổi, dùng cáp xoắn ABC đi trên trụ bê tông li tâm cao 8,5m hoặc đi chung với tuyến trụ trung thế (đường dây hỗn hợp).

+ Thiết kế hệ thống chiếu sáng đường cho các khu vực trung tâm xã hoặc liên xã phải đạt chỉ tiêu  $\geq 3\text{lx}$ , các đường khác  $\geq 1,5\text{lx}$ .

+ Trạm điện hạ thế và lưới điện cao, trung, hạ thế trong khu vực điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ theo quy định hiện hành

### **6.3. Cấp nước**

- Nguồn nước: sử dụng nguồn nước cấp từ trạm cấp nước của trung tâm xã hiện hữu.

- Quy hoạch mạng lưới cấp nước:

+ Xây dựng các tuyến ống D50- D150 từ trạm nước cấp nước cho khu vực xây dựng Trung tâm xã và cho các tuyến dân cư.

+ Từ tuyến ống chính chia thành nhiều tuyến D100 theo các trục giao thông cấp cho các tiểu khu và tạo mạch vòng cấp nước nhằm đảm bảo sự an toàn và liên tục cho các khu vực. Các ống nhánh D50-D80 cấp nước đến các hộ gia đình và các đơn vị dùng nước. Hệ thống cấp nước được xây dựng trên lè đường cách mặt đất 1,0m -1,2m và cách móng công trình 1,5m.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy:

+ Tại trạm cấp nước đặt bơm biến tần để duy trì áp lực trong đường ống luôn ổn định.

+ Lưu lượng cấp nước chữa cháy  $q = 20$  lít/s cho một đám cháy trong 3 giờ, số đám cháy xảy ra đồng thời một lúc là một đám cháy.

+ Khu trung tâm xã: bố trí họng lấy nước chữa cháy D100 đặt cách nhau 150 - 200m.

+ Các điểm dân cư tập trung: sử dụng nước từ các ao hồ, kênh rạch phục vụ chữa cháy.

### **6.4. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang toàn xã và vệ sinh môi trường**

#### **a. Thoát nước thải:**

- Quy hoạch hệ thống thoát nước chung cho trung tâm xã. Sử dụng hệ thống thoát nước chung, bố trí hệ thống cống BTCT hoạt động theo chế độ tự chảy, nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung, xả ra kênh rạch gần nhất.

- Khu vực các ấp: sử dụng hệ thống thoát nước phân tán theo cụm dân cư tập trung. Và xử lý cục bộ bằng bể tự hoại hợp quy cách trước khi xả trực tiếp ra kênh rạch.

#### **b. Thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR):**

- Rác thải trên địa bàn xã sẽ được thu gom và vận chuyển về Nhà máy xử lý rác tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để xử lý theo quy định.

- Vận động các hộ dân phân loại CTR tại hộ gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, sử dụng làm phân bón nông nghiệp.

*c. Nghĩa trang:*

Xã có nghĩa trang tập trung tại ấp 9. Nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang trồng cây xanh có đường đi, mộ xây hàng lối, có bộ phận quản lý.

## **7. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn**

### **7.1. Các dự án ưu tiên đầu tư:**

- Nâng cấp đồng bộ hệ thống hạ tầng cơ sở trên địa bàn toàn xã.
- Hệ thống các công trình đầu mối phục vụ sản xuất.
- Hệ thống công trình hạ tầng xã hội như: xây dựng cây xanh - khu TDTT xã, nâng cấp và mở rộng các trường học để đạt chuẩn quốc gia. Xây dựng các trụ sở, sân TDTT kết hợp khu vui chơi tại các ấp.

#### **a. Giai đoạn đến năm 2025:**

- Hạ tầng xã hội:
  - + Xây dựng nhà văn hóa, khu sân TDTT.
  - + Nâng cấp hệ thống trường học đạt chuẩn quốc gia, cải tạo những hạng mục đã xuống cấp.
- Hạ tầng kỹ thuật:
  - + Xây dựng các tuyến đường giao thông chính và các hạ tầng thiết yếu khác, nhất là khu vực trung tâm xã.
  - + Nâng cấp các tuyến đường chưa hoàn chỉnh để đạt mặt đường theo quy hoạch.
  - + Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.
  - + Hoàn thiện hệ thống thoát nước trong khu trung tâm xã.
  - + Vận động trên 90% hộ dân trong khu vực trung tâm xã đăng ký thu gom rác thải bằng dịch vụ công ích.

#### **b. Giai đoạn dài hạn đến năm 2030:**

- Nâng cấp đạt chuẩn các công trình xã hội...
- Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống trụ sở ấp, nhà văn hóa ấp, sân tập TDTT cho từng ấp.
  - Hoàn thiện hệ thống giao thông, thủy lợi và các công trình hạ tầng đi kèm theo định hướng của đề án quy hoạch.
  - Xây dựng các công trình phục vụ sản xuất, kết hợp phát triển các công trình thương mại - dịch vụ, phát triển khu sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

**c. Kế hoạch đầu tư xây dựng công trình công cộng (2019 - 2025):**

STT	Tên công trình	Vị trí	Ghi chú
1	Trường Tiểu học B An Trường A (điểm lẻ)	Ấp Trung Thiên	Mở rộng tại vị trí hiện hữu về phía sau 0,1 ha 2020
2	Trường Tiểu học A An Trường A (điểm lẻ)	Ấp 9	Mở rộng tại vị trí hiện hữu về phía sau 0,1 ha 2020
3	Trường THCS An Trường A	Ấp 9B	Mở rộng tại vị trí hiện hữu về phía sau 0,1 ha 2020
4	Trường Tiểu học A An Trường A (điểm chính)	Ấp 9B	Đang xây dựng 2019
5	Cụm hành chính CA, QS, nhà văn hóa, khu thể thao	Ấp 9B	2020

**d. Kế hoạch đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn (2019 - 2025):**

STT	Tên công trình	Vị trí	Ghi chú
1	Đường Đông Kinh Tinh	ấp Lo Co A	2020
2	Đường Tây Kinh Tinh	ấp Lo Co A - Trung Thiên - ấp 9	2020
3	Đường Nhựa kinh 6 Gà	ấp 9A - Trung Thiên	2022
4	Đường đal 40% lúa nước	ấp Trung Thiên	2020
5	Đường đal 3 Nùng	ấp Trung Thiên	2020
6	Đường đal 4 Ni	ấp 9 - 9A	2020
7	Đường đal 3 Tường	ấp 9	2021
8	Đường đal 8 Cả	ấp 9B	2021
9	Đường dự án SME	ấp Trung Thiên - 9A	2020
10	Đường đal 7 Na	ấp Trung Thiên	2021
11	Đường đal 8 Đông	ấp 9B	2021
12	Đường đal Thầy Phương	ấp Trung Thiên	2022
13	Đường nhựa Lo Co B	ấp Lo Co B	2022
14	Đường đal 2 Tính	ấp Trung Thiên	2022

**e. Kế hoạch đầu tư xây dựng cầu giao thông nông thôn, hạ tầng kỹ thuật khác (2019 - 2025):**

Stt	Tên công trình	Vị trí	Ghi chú
1	Cầu 2 Đáo	ấp Lo Co B - Trung Thiên	Đang xây dựng 2019
2	Cầu 7 Xê	ấp Lo Co B	Đang xây dựng 2019
3	Cầu 5 Dương	ấp Lo Co A - Trung Thiên	Đang xây dựng 2019
4	Cầu Lo Co-ấp 4A	ấp Lo Co A - ấp 4A	Đang xây dựng 2019
5	Cầu Kinh Tinh	ấp Lo Co A	2021
6	Cầu bắt qua Vĩnh Long	ấp 9	2020
7	Cầu bắt qua Mỹ Cẩm	ấp Lo Co B	2021

## 7.2. Nguồn vốn:

Huy động vốn từ nhiều nguồn như Ngân sách nhà nước; các tổ chức tài chính, tín dụng; các doanh nghiệp; dân cư...

## 8. Đánh giá môi trường chiến lược

*Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:*

Bảo vệ chất lượng nước mặt khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu dân cư đạt QCVN 05:2013/BTNMT.

Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100%.

Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải là 100%.

Tăng diện tích đất cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.

Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100%.

## 9. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt quy hoạch phát triển các ngành, các lĩnh vực kinh tế - xã hội của xã giai đoạn trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Triển khai quy hoạch thông qua các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm; phải căn cứ vào các mục tiêu quy hoạch đã được duyệt và tiến độ phải thực hiện trong từng thời kỳ. Cuối mỗi kế hoạch, tổ chức đánh giá thực hiện, bổ sung và điều chỉnh mục tiêu cho phù hợp với tình hình thực tế.

**Điều 2.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này là Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030.

## Điều 3. Tổ chức thực hiện

**1.** Ủy ban nhân dân xã An Trường A:

- Tổ chức công bố, công khai đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030 để các tổ chức, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát việc thực hiện;

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các nội dung quy hoạch trong các đồ án quy hoạch và quy định quản lý liên quan đã ban hành phù hợp với đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt.

2. Các phòng, ban, ngành huyện có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp Ủy ban nhân dân xã An Trường A tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất; Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm quản lý nghiệp vụ đồ án theo nhiệm vụ chuyên môn.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2532/QĐ-UBND ngày 23/9/2013 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Huyện ủy và HĐND - UBND huyện; Thủ trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và Ủy ban nhân dân xã An Trường A chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *fdh*

**Nơi nhận:**

- Sở Xây dựng (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP Điều phối NTM huyện;
- Như Điều 5;
- LĐVP, Tổ NC;
- Lưu: VT, CNXD<sub>(06)</sub> *ca*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Handwritten signature*  
**Ứng Hồng Hải**

## **QUY ĐỊNH**

### **Quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 4863/QĐ-UBND  
ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long)*

## **Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi áp dụng**

1. Quy định này quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 4863/QĐ-UBND ngày 16/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Càng Long.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý, đầu tư xây dựng trong ranh giới đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã An Trường A, huyện Càng Long đến năm 2030 được phê duyệt.

### **Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch**

1. Ranh giới quy hoạch

Tứ cận được xác định như sau:

+ Phía Đông: giáp xã An Trường.

+ Phía Tây: giáp huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

+ Phía Nam: giáp xã Tân Bình.

+ Phía Bắc: giáp xã Mỹ Cẩm..

2. Quy mô, diện tích các khu chức năng trong vùng quy hoạch

Khu vực quy hoạch là ranh địa giới hành chính xã An Trường A, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh, với diện tích tự nhiên 1.884,39 ha.

Xã An Trường A có 7 ấp, gồm: ấp Lo Co A, ấp Lo Co B, ấp 9B, ấp 9C, ấp 9A, ấp 9, ấp Trung Thiên và khu trung tâm xã nằm trong ấp 9B.

## **Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1. Quản lý theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã**

#### **Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư**

1. Khu vực cải tạo:

- Diện tích tối thiểu đối với lô đất xây dựng :100 m<sup>2</sup>

- Tầng cao tối đa: 02 tầng
- Mật độ xây dựng tối đa trong lô đất ở: 80%
- Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi tính từ chỉ giới đường đỏ 3m

2. Khu vực xây mới:

- Diện tích lô đất xây dựng: Từ 140m<sup>2</sup> đến 500m<sup>2</sup>/lô
- Tầng cao tối đa: 03 tầng
- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: 50-70%
- Cao độ nền: Tùy theo địa hình nhưng tối đa cao +0,45m so với cốt hè phố (hoặc lề đường) và được quy định cụ thể trong đồ án quy hoạch được duyệt.
- Chiều cao tầng: Tầng 1 là +3,9m đến +4,2m; tầng 2 và tầng 3 là +3,4m.
- Chỉ giới xây dựng: Khoảng lùi tính từ chỉ giới đường đỏ là 3m.

**Điều 4. Khu vực xây dựng công trình công cộng**

**1. Cấp xã: Trung tâm xã**

- Vị trí: tại ấp 9B
- Các công trình: Công an xã, ban chỉ huy quân sự xã, trường học, nhà văn hóa xã, chợ, trạm y tế, bưu điện, cơ sở dịch vụ.
- Các quy định về xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 60%
  - + Tầng cao tối đa: 03 tầng.
  - Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý:
    - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái, hình thức mái bằng hoặc mái dốc.
    - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ.
    - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh.

***Nhà văn hóa xã, công an xã, xã đội...***

- Vị trí: Tại trung tâm xã (ấp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 03 tầng
  - Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
    - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
    - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
    - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

***Khu vực dịch vụ thương mại***

- Vị trí: Tại trung tâm xã (ấp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 03 tầng
  - Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:



- + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
- + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
- + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### ***Trạm y tế xã***

- Vị trí: Tại trung tâm xã (áp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 02 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### ***Trường Mẫu giáo***

- Vị trí: Tại trung tâm xã (áp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 02 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### ***Trường Tiểu học***

- Vị trí: Tại trung tâm xã (áp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 02 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ
  - + Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh

#### ***Trường Trung học cơ sở***

- Vị trí: Tại trung tâm xã (áp 9B).
- Các yêu cầu xây dựng:
  - + Mật độ xây dựng: 40%
  - + Tầng cao tối đa: 03 tầng
- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:
  - + Hình thức kiến trúc: công trình có mái
  - + Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ

+ Màu sắc công trình: phù hợp với cảnh quan xung quanh.

## **2. Cấp áp: tại trung tâm các điểm dân cư**

- Vị trí: tại 06 ấp

- Các công trình: Nhà văn hóa ấp, sân chơi kết hợp cây xanh -TĐTT, trường mẫu giáo.

- Các yêu cầu xây dựng đối với các nhà văn hóa ấp:

+ Mật độ xây dựng: 40%

+ Tầng cao tối đa: 01 tầng.

- Đối với quy hoạch chi tiết cần lưu ý thêm:

+ Hình thức kiến trúc: công trình có mái (mái dốc).

+ Khoảng lùi công trình: 3m so với chỉ giới đường đỏ.

Màu sắc công trình phải phù hợp với cảnh quan xung quanh.

## **Điều 5. Đất sản xuất**

1. **Khu vực sản xuất nông nghiệp:** Tổng diện tích đất nông nghiệp của xã đến năm 2030 là 1.400,43 ha. Phân chia thành 02 vùng chính:

- Vùng I: Chuyên trồng lúa, phân bố đều ở 7 ấp.

- Vùng II: Trồng cây ăn trái; riêng cây lâu năm phân bố ở các ấp: ấp Lo Co A, ấp Lo Co B, ấp 9B, ấp 9, ấp Trung Thiên.

## **2. Khu vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ:**

- Định hướng quy hoạch cho khu vực theo hướng bố trí gần với dân cư.

- Xây dựng các vùng nguyên liệu kết hợp với dân cư.

## **Điều 6. Đất cây xanh, cảnh quan**

1. Quy hoạch trồng cây xanh ở trung tâm xã và các điểm dân cư tập trung cần tận dụng đất đai, điều kiện khí hậu để trồng các loại cây có giá trị kinh tế cao, cải thiện môi trường sinh thái, chống xói mòn, bạc màu đất.

2. Cây xanh trong công viên, công trình văn hóa, tôn giáo: phải được nghiên cứu kỹ về chiều cao, màu sắc, mùa rụng lá, phải thích hợp với thổ nhưỡng địa phương. Nên trồng cây thân thẳng, cao, tán lá rộng, gỗ dai, dáng và hoa đẹp, màu sắc thay đổi theo mùa, đảm bảo chức năng chống bụi, tiếng ồn và an toàn đối với người dân. Không trồng cây ăn quả, có mùi thơm thu hút côn trùng... gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người và môi trường xung quanh. Các loại cây tham khảo như cây dầu, hoàng yến, phượng vĩ, muồng bông vàng, bằng lăng tím, cau trắng, cau đỏ, sứ trắng...

3. Cây xanh dọc theo đường giao thông: là cây lấy bóng mát, tạo cảnh quan, ra hoa. Tùy theo lộ giới từng tuyến đường mà trồng những loại cây có kích thước và hình dáng phù hợp, không che khuất tầm nhìn.

4. Hoa trang trí: Chọn loại ra hoa quanh năm, màu sắc đẹp, không có mùi thu hút côn trùng. Hoa phải cắt xén thường xuyên và hạn chế độ cao từ 35 - 55 cm.

## **Điều 7. Các khu vực công trình tôn giáo, tín ngưỡng; khu vực bảo tồn, di tích, thắng cảnh; cấm xây dựng**

1. Đối với công trình tôn giáo, tín ngưỡng: việc bảo tồn xây mới công trình tôn giáo, tín ngưỡng theo quy định về Pháp lệnh tôn giáo tín ngưỡng và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

2. Đối với công trình di sản: Thực hiện xin ý kiến và báo cáo cơ quan quản lý về văn hóa và thực hiện theo các quy định của Luật di sản văn hóa và pháp luật liên quan.

3. Đối với công trình tượng đài: Việc quản lý theo quy định Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

## **Điều 8. Khu vực dự trữ, an ninh quốc phòng**

1. Tuân thủ quy hoạch được duyệt (không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dự trữ phát triển - an ninh, quốc phòng);

2. Có kế hoạch và phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng (kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn).

## **Điều 9. Các công trình hạ tầng kỹ thuật**

### **6.4. Giao thông**

#### *c. Giao thông đối ngoại:*

- Tập trung phát triển các mạng lưới giao thông của xã, nâng cấp đường trục chính vào trung tâm xã, các tuyến đường nông thôn, xóm và các tuyến đường trục chính nội đồng, gồm:

- Tuyến đường liên các khu vực trong xã: xây dựng theo loại đường nông thôn cấp A, giai đoạn đầu có thể phân kỳ xây dựng tương đương cấp B. Quy hoạch đạt cấp VI, mặt đường nhựa rộng 3,5m, nền rộng 6,5m, lộ giới 12,5m.

- Tuyến đường nội bộ tại khu vực trung tâm xã: Quy hoạch đạt cấp VI

+ Cấu trúc mạng lưới theo dạng đường đô thị.

+ Lộ giới 12,5m, mặt đường rộng 6,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.

+ Hành lang dự phòng cho việc mở rộng ở giai đoạn sau.

+ Mật độ mạng lưới đường đạt 3 - 4 km/km<sup>2</sup>.

- Đường Hương lộ 39: lộ giới 27,5m

+ Mặt đường bê tông nhựa.

+ Nền hạ đá dăm, cấp phối sỏi đỏ.

+ Vỉa hè đoạn qua khu dân cư lát gạch còn lại trồng cỏ.

- Đường Hương lộ 31: lộ giới 27,5m

+ Mặt đường bê tông nhựa.

+ Nền hạ đá dăm, cấp phối sỏi đỏ.

+ Vỉa hè đoạn qua khu dân cư lát gạch còn lại trồng cỏ.

- Đường liên các khu vực trong xã: lộ giới 12,5m
- + Mặt đường đá dăm thâm nhập nhựa hoặc bê tông xi măng.
- + Nền hạ đá dăm, cấp phối sỏi đỏ.

*d. Giao thông nông thôn:*

- Tuyến đường liên các khu vực trong xã: xây dựng theo loại đường nông thôn cấp A, giai đoạn đầu có thể phân kỳ xây dựng tương đương cấp B. Quy hoạch đạt cấp VI, mặt đường nhựa rộng 3,5m, nền rộng 6,5m, lộ giới 12,5m.

- Tuyến đường nội bộ tại khu vực trung tâm xã: Quy hoạch đạt cấp VI.

- + Cấu trúc mạng lưới theo dạng đường đô thị.
- + Lộ giới 12,5m, mặt đường rộng 6,5m, vỉa hè mỗi bên rộng 3m.
- + Hành lang dự phòng cho việc mở rộng ở giai đoạn sau.
- + Mật độ mạng lưới đường đạt 3 - 4 km/km<sup>2</sup>.

- Đường ấp, xóm, đường trục chính nội đồng kết hợp chặt chẽ với các công trình thủy lợi: xây dựng theo loại đường nông thôn cấp C, giai đoạn đầu có thể phân kỳ xây dựng tương đương cấp D. Quy hoạch đạt cấp C, mặt đường đá rộng 3m, nền rộng 4m, lộ giới 8m.

**Bảng thống kê quy hoạch giao thông**

Stt	Hạng mục	Mặt cắt ngang đường (m)			Chiều dài (m)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Diện tích (m <sup>2</sup> )
		Mặt đường	Lề đường	Lộ giới		Mặt đường	Lề đường	Tổng
1	Hương lộ 39	5,5	2	27,5	4.798,91	26.394.027	9.597.828	35.991.855
2	Hương lộ 31	5,5	2	27,5	6.038,64	33.212.542	12.077.288	45.289.830
3	Đường trục ấp, liên ấp	3,5	3,5	12,5	17.703,09	61.960.815	61.960.815	123.921.630
4	Đường ấp, xóm; đường trục chính nội đồng	3	1	8	14.095,23	42.285.693	14.095.231	56.380.924
<b>Tổng cộng đường</b>					<b>42.635,88</b>	<b>163.853.077</b>	<b>97.731.162</b>	<b>261.584.239</b>

**6.5. Cấp điện**

- Nguồn điện đang sử dụng trên địa bàn xã là hệ thống điện quốc gia thuộc khu vực điện Càng Long.

- Quy hoạch mạng lưới cấp điện:

+ Các tuyến trung thế xây dựng mới là đường dây nổi, dùng cáp nhôm lõi thép đi trên trụ bê tông li tâm cao 12m đến 14m.

+ Các trạm hạ thế là loại trạm treo, trạm trong nhà hoặc trạm compact, vị trí và dung lượng của trạm có thể điều chỉnh theo phụ tải điện sử dụng thực tế. Trạm hạ thế phải đặt vị trí thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt.

+ Từ các trạm hạ thế có các phát tuyến 0,4kV đưa điện đến các hộ tiêu thụ, các tuyến điện này (bao gồm mạch cung cấp và đèn đường) là đường dây nổi, dùng cáp xoắn ABC đi trên trụ bê tông li tâm cao 8,5m hoặc đi chung với tuyến trụ trung thế (đường dây hỗn hợp).

+ Thiết kế hệ thống chiếu sáng đường cho các khu vực trung tâm xã hoặc liên xã phải đạt chỉ tiêu  $\geq 3lx$ , các đường khác  $\geq 1,5lx$ .

+ Trạm điện hạ thế và lưới điện cao, trung, hạ thế trong khu vực điểm dân cư nông thôn phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ theo quy định.

#### **6.6. Cấp nước**

- Nguồn nước: sử dụng nguồn nước cấp từ trạm cấp nước của trung tâm xã hiện hữu.

- Quy hoạch mạng lưới cấp nước:

+ Xây dựng các tuyến ống D50- D150 từ trạm nước cấp nước cho khu vực xây dựng Trung tâm xã và cho các tuyến dân cư.

+ Từ tuyến ống chính chia thành nhiều tuyến D100 theo các trục giao thông cấp cho các tiểu khu và tạo mạch vòng cấp nước nhằm đảm bảo sự an toàn và liên tục cho các khu vực. Các ống nhánh D50-D80 cấp nước đến các hộ gia đình và các đơn vị dùng nước. Hệ thống cấp nước được xây dựng trên lề đường cách mặt đất 1,0m -1,2m và cách móng công trình 1,5m.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy:

+ Tại trạm cấp nước đặt bơm biến tần để duy trì áp lực trong đường ống luôn ổn định.

+ Lưu lượng cấp nước chữa cháy  $q = 20$  lít/s cho một đám cháy trong 3 giờ, số đám cháy xảy ra đồng thời một lúc là một đám cháy.

+ Khu trung tâm xã: bố trí họng lấy nước chữa cháy D100 đặt cách nhau 150 - 200m.

+ Các điểm dân cư tập trung: sử dụng nước từ các ao hồ, kênh rạch phục vụ chữa cháy.

#### **6.4. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang toàn xã và vệ sinh môi trường**

##### **a. Thoát nước thải:**

- Quy hoạch hệ thống thoát nước chung cho trung tâm xã. Sử dụng hệ thống thoát nước chung, bố trí hệ thống công BTCT hoạt động theo chế độ tự chảy, nước thải từ các hộ gia đình được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi thoát vào hệ thống thoát nước chung, xả ra kênh rạch gần nhất.

- Khu vực các ấp: sử dụng hệ thống thoát nước phân tán theo cụm dân cư tập trung. Và xử lý cục bộ bằng bể tự hoại hợp quy cách trước khi xả trực tiếp ra kênh rạch.

##### **b. Thu gom và xử lý chất thải rắn (CTR):**

- Rác thải trên địa bàn xã sẽ được thu gom và vận chuyển về Nhà máy xử lý rác tại xã Lương Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh để xử lý theo quy định.

- Vận động các hộ dân phân loại CTR tại hộ gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, sử dụng làm phân bón nông nghiệp.

*c. Nghĩa trang:*

Xã có nghĩa trang tập trung tại ấp 9. Nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán và tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang trồng cây xanh có đường đi, mộ xây hàng lối, có bộ phận quản lý.

## **Mục 2. Quản lý theo đặc điểm của từng địa phương, vùng miền**

### **Điều 10. Nhà ở dân cư nông thôn:**

#### **1. Đối với kiến trúc nhà ở:**

*a. Hình thức kiến trúc:*

- Nhà vườn: khai thác đường nét kiến trúc dân tộc, hài hòa với cảnh quan sân vườn.

- Nhà song lập, nhà liên kế: hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp nét dân tộc, tạo sự thống nhất trên từng tuyến đường, tránh đường nét rườm rà, gây phản cảm.

*b. Số tầng và chiều cao.*

- Nhà vườn có tầng cao tối đa: 01 tầng

- Nhà song lập có tầng cao tối đa: 02 tầng

- Nhà liên kế có tầng cao tối đa: 03 tầng

- Cao độ vỉa hè được quy định là cao độ  $\pm 0.000$  tại vị trí có công trình để tính toán các cao độ chuẩn. Cao độ chuẩn ở vị trí chỉ giới xây dựng là tổng chiều cao các tầng ở vị trí lộ giới hoặc vị trí có yêu cầu khoảng lùi so với lộ giới (đã tính cả chiều cao lan can hoặc sê-nô trên sàn mái). Cốt sàn tầng 1 tối thiểu  $+0,3m$ .

- Chiều cao tầng 1 (trệt) tối thiểu là  $+3,6m$ . Chiều cao các tầng còn lại  $+3,4m$ .

*c. Màu sắc, vật liệu:*

- Mặt ngoài nhà (mặt tiền, mặt bên) không sử dụng các màu nóng chói (như đỏ, cam, vàng, đen), trên toàn bộ mặt tiền nhà dễ gây khó chịu cho người nhìn. Nên dùng các màu trung tính nhẹ nhàng (như kem nhạt, xám trắng, vàng nhạt, xanh lơ...)

- Mái nhà lợp ngói truyền thống hoặc tôn giả ngói, để tăng mỹ quan cho công trình, cũng như thuận tiện trong việc chống thấm, thoát nước mưa và dễ bảo trì công trình.

- Không sử dụng gạch lát màu tối (như đen, nâu đậm..), có độ bóng cao để ốp trên toàn bộ mặt tiền nhà.

- Không sử dụng vật liệu có độ phản quang quá 70% trước mặt tiền nhà.

- Trên từng trục đường nên quy định một tông màu chủ đạo, tạo sự đồng nhất về kiến trúc và màu sắc, tránh tình trạng quá nhiều màu sắc trên dãy nhà gây mất mỹ quan.

*d. Mái nhà:*

- Đối với nhà vườn, nhà song lập nên sử dụng mái dốc, lợp ngói truyền thống hoặc tôn giả ngói để tăng mỹ quan cho công trình cũng như thuận tiện trong việc chống thấm, thoát nước mưa, dễ bảo trì sửa chữa. Nhà liên kế sử dụng mái bằng hoặc mái dốc, độ dốc đảm bảo thoát nước. Mái đón, mái hiên phải ở độ cao cách mặt vỉa hè 3,5m trở lên.

- Độ vươn ra tối đa của ô văng, mái đua, ban công  $\leq 1,2m$ .

*e. Hàng rào*

- Hàng rào công phải phù hợp với truyền thống, cảnh quan chung của xã, không gắn các hình tượng, hình vẽ, trang trí kỳ dị làm mất mỹ quan chung của khu vực.

**2. Đối với kiến trúc công trình công cộng:**

Công trình công cộng, thương mại - dịch vụ có đông người ra vào, tụ họp (như trụ sở UBND xã, trường học, nhà văn hóa, khu thương mại - dịch vụ) nên phải đảm bảo các yêu cầu chung sau:

- Đảm bảo giao thông đường phố tại khu vực công ra vào công trình được an toàn và thông suốt, không bị tắc nghẽn, có diện tích tập kết người và xe trước cổng (còn gọi là vịnh đậu xe); cổng và phần hàng rào giáp hai bên cổng lùi sâu khỏi ranh giới lô đất, tạo thành chỗ tập kết có chiều sâu tối thiểu 4m, chiều ngang tối thiểu bằng 4 lần chiều rộng của cổng.

- Có đủ diện tích sân, bãi cho số người ra vào công trình.

- Chiều cao công trình: tối thiểu 01 tầng, tối đa 03 tầng; chiều cao tầng 1 (trệt) tối thiểu là +3,6m; chiều cao thông thủy các tầng còn lại +3,4m.

*a. Hình khối kiến trúc:*

- Đối với các công trình hành chính, thể hiện được sự trang nghiêm, bề thế.

- Đối với công trình thương mại - dịch vụ: hình khối mạnh mẽ, độc đáo.

*b. Màu sắc:*

- Đối với công trình hành chính, cơ quan: Dùng những tông màu sáng, tránh dùng những màu nóng chói (cam, xanh lá cây...).

- Các công trình công cộng, thương mại, dịch vụ giải trí: nên dùng những màu sắc tươi sáng.

*c. Ánh sáng:*

- Dùng ánh sáng tự nhiên kết hợp hình khối công trình tạo bóng đổ, những mảng kiến trúc sáng tối vào ban ngày, kết hợp ánh sáng nhân tạo chiếu lên công trình, sân vườn, tường rào để tạo nên bộ mặt trực đường sôi động về đêm.

*d. Hình thức kiến trúc:*

- Công trình hành chính nên sử dụng mái ngói, kiến trúc trang nghiêm, vừa mang tính hiện đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc.

- Các công trình thương mại dịch vụ công cộng: mái ngói với độ dốc phù hợp, hình thức kiến trúc đa dạng, phù hợp với tính chất công trình.

- Các chi tiết kiến trúc trên mặt đứng phải làm bằng vật liệu có độ bền cao, tránh rêu mốc và đảm bảo chức năng bao che, thông gió, chiếu sáng tự nhiên, che chắn nắng, chống mưa hắt.

- Giải pháp mặt đứng đơn giản, màu sắc hài hòa với cảnh quan thiên nhiên.

## **Điều 11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật**

### **1. Giao thông**

- Đường ấp, xóm, đường trục chính nội đồng kết hợp chặt chẽ với các công trình thủy lợi: xây dựng theo loại đường nông thôn cấp C, giai đoạn đầu có thể phân kỳ xây dựng tương đương cấp D. Quy hoạch đạt cấp C, mặt đường đal rộng 3m, nền rộng 4m, lộ giới 8m. Tổng chiều dài các tuyến trên địa bàn xã là 45 km.

- Kết cấu đường:

+ Mặt đường đal bê tông.

+ Nền hạ đá dăm, cấp phối sỏi đỏ.

### **2. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường**

- UBND xã tổ chức tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tốt việc phân loại rác tại nguồn và tổ chức thu gom để xử lý.

- Tại mỗi điểm dân cư tổ chức ít nhất một thùng chứa rác, nhằm thuận tiện cho việc vứt rác đúng nơi quy định của người dân và việc tập trung thu gom rác thuận tiện hơn.

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình công cộng: xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước

- Nước thải và phân gia súc từ các khu chuồng trại chăn nuôi lớn được xử lý bằng bể Bioga.

- Hệ thống thoát nước thải của cơ sở sản xuất kinh doanh, tiểu thủ công nghiệp có hệ thống thoát nước riêng và xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN.

## **Chương III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 12.** Ủy ban nhân dân xã:

1. Tổ chức cho mọi thành phần trên địa bàn nghiên cứu, học tập Quy chế này và triển khai công tác quản lý trên địa bàn.

2. Phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện quản lý quy hoạch đã công bố, quản lý đất đai trên địa bàn.

3. Tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện quy hoạch nông thôn mới theo định kỳ và đột xuất báo cáo.

**Điều 13.** Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và Quy định quản lý này để hướng dẫn thực hiện xây dựng. Mọi vi phạm các điều khoản của quy chế này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.



**Điều 14.** Quy chế này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 15.** Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã xã An Trường A và Quy định này được ban hành và lưu trữ tại các cơ quan sau đây để các tổ chức, cơ quan, đơn vị và nhân dân biết thực hiện.

1. Ủy ban nhân dân huyện Càng Long;
2. Các phòng chuyên môn: Phòng Kinh tế và Hạ tầng; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
3. Ủy ban nhân dân xã An Trường A.

Quy định này làm cơ sở để xem xét cấp phép xây dựng mới, hoặc cải tạo chỉnh trang các công trình kiến trúc, thiết kế cảnh quan; làm cơ sở để xác định việc lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết, dự án đầu tư xây dựng. / *hm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*hoai*  
**Ứng Hồng Hải**